

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 12 – 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hoàng Việt.

2/ Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thời Phúc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 148/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, Thông báo dời phiên tòa số 47/TB- TA ngày 19 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 280/TB- TA ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Trần Ngọc V**; Sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 257 ấp P, xã L, huyện T, tỉnh S (Ông V vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Bà Huỳnh Thị Mộng T**; Sinh năm 2001; Địa chỉ: Số 493 ấp P, xã L, huyện T, tỉnh S (Bà M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Ngọc V trình bày:

Ông với bà Huỳnh Thị Mộng T tổ chức lễ cưới vào năm 2017 nhưng đến năm 2019 ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh S và

được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 06 tháng 12 năm 2019. Quá trình chung sống với ông V, thỉnh thoảng bà M có cảm nhận chồng là đưa tiền không đủ chi tiêu. Bà M than thở là cảm thấy chán nản. Ông V có giải thích với vợ là tiền ông đi làm phụ hồ hằng ngày phải góp tiền hội, phải chi tiêu cá nhân nên khi nào còn tiền thì ông đưa cho vợ được một ít, có khi không còn tiền thì thôi. Đến ngày 21/12/2020, bà M bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không trở về chung sống với ông V nữa. Ông V có qua nhà cha mẹ vợ năn nỉ vợ về sống với chồng con nhưng bà M trả lời là không còn tình cảm với ông V nữa và kêu ông V viết đơn ly hôn. Sau khi năn nỉ vợ về sống chung nhưng vợ nhất quyết không trở về nên ông V cũng không nói tới vợ nữa. Hai người đã không còn sống chung từ ngày 21/12/2020 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, ông V với bà M có một con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 09/11/2018. Hiện cháu đang sống với ông V.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông Trần Ngọc V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mộng T.
- Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà Huỳnh Thị Mộng T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Ông V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Mộng T không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 148/TB-TLVA ngày 18 tháng 5 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Huỳnh Thị Mộng T nhưng bà M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc V ly hôn với bà Huỳnh Thị Mộng T. Về con chung: Giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi

dưỡng và giáo dục. Bà Huỳnh Thị Mộng T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Ngọc V và bà Huỳnh Thị Mộng T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông Trần Ngọc V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, còn bà Huỳnh Thị Mộng T mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông V và bà M.

[2] Về nội dung: Ông Trần Ngọc V và bà Huỳnh Thị Mộng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152 ngày 06 tháng 12 năm 2019 nên quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà M là hợp pháp.

[3] Xét lý do xin ly hôn của ông V, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng ông V, bà M hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là từ vấn đề tiền bạc. Bà M từng than thở với ông V là cảm thấy chán nản do không đủ tiền chi tiêu. Vì chuyện này, bà M đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Ông V có qua nhà cha mẹ vợ năn nỉ vợ về nhưng bà M nói là không còn tình cảm với ông V nữa nên cương quyết không trở về và kêu ông V viết đơn ly hôn. Do năn nỉ vợ không được nên ông V cũng không nói tới vợ nữa. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ ngày 21/12/2020 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của ông V, bà M trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V.

[4] Về con chung: Cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 09/11/2018 đang sống cùng ông V. Xét thấy, từ khi ông V và bà M không còn sống chung thì cháu Tuyền sống chung với ông V, do ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Tuyền cho ông V nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ngọc T. Ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc V.
- Về hôn nhân: Ông Trần Ngọc V được quyền ly hôn với bà Huỳnh Thị Mộng T.
- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 09/11/2018 cho ông Trần Ngọc V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Huỳnh Thị Mộng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Huỳnh Thị Mộng T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Trần Ngọc V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Huỳnh Thị Mộng T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ngọc T. Ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Ông V trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Ngọc V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu ly hôn. Ông Trần Ngọc V được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0007873 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trần Ngọc V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S(P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã L, h T;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân